

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
KHÓA 8 (2016-2018) - ĐỢT 2, KỲ THI NGÀY 15 - 16/08/2018

Môn: **GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Giờ thi: **14h00**

Ngành: **Dược sĩ, Y sĩ, Y sĩ y học cổ truyền**

Phòng thi: **GD1**

Địa điểm : Số 1 Đoàn Kết, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

STT	MSHS	SBD	Số phách	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	312408648	TN01	CT201	Nguyễn Văn Hoài	Bảo	10/02/2000	3.0	Ba	
2	261167243	TN02	CT202	Trần Thị	Bến	04/04/1991	6.5	Sáu năm	
3	381581779	TN03		Lê Văn	Cần	01/01/1989	VT	VT	
4	132261252	TN04	CT203	Nguyễn Thị Kim	Dung	15/04/1992	7.0	Bảy	
5	281020067	TN06	CT204	Phạm Thị Ngọc	Dung	06/01/1988	4.0	Bốn	
6	261148422	TN07		Phan Dương	Hòa	29/09/1989	VT	VT	
7	314687515	TN08	CT205	Phạm Minh	Khương	25/10/1992	8.0	Tám	
8	17014322	TN09		Hoàng Thị Hạnh	Lê	19/05/1991	VT	VT	
9	131071222	TN10	CT206	Nguyễn Ngọc	Minh	04/08/1993	0.0	Không	
10	23926483	TN12	CT207	Nguyễn Hoàng	Nam	04/08/1983	6.0	Sáu	
11	25740542	TN13	CT208	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/06/1997	7.0	Bảy	
12	191699707	TN14	CT209	Lê Quang	Nhập	06/12/1997	5.0	Năm	
13	25367099	TN15		Hoàng Thị	Phượng	27/02/1984	VT	VT	
14	225189225	TN16	CT210	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	24/06/1983	7.0	Bảy	
15	215382017	TN17	CT211	Phạm Thị	Quy	29/10/1996	6.5	Sáu năm	
16	241584784	TN20	CT212	Huỳnh Hữu	Thuận	12/05/1997	3.0	Ba	
17	151059383	TN21	CT213	Phan Ngọc	Thuận	01/01/1995	5.5	Năm năm	
18	197369330	TN23	CT214	Nguyễn Thị	Thủy	30/07/1996	8.0	Tám	
19	141050870	TN24	CT215	Trương Hoài	Trung	21/04/1992	3.5	Ba năm	
20	334777334	TN25	CT216	Diệp Tư	Tuấn	22/04/1994	2.5	Hai năm	
21	352145855	TN27	CT217	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	27/04/1991	8.5	Tám năm	
22	23179054	TN28	CT218	Huỳnh Thị Yến	Vân	13/12/1979	6.0	Sáu	
23	301288370	TN29	CT219	Hồ Minh	Vương	20/05/1989	9.0	Chín	
24	131071800	TN30	CT220	Nguyễn Hữu Trung	Hiếu	10/09/1992	3.5	Ba năm	
25	273263003	TN31	CT221	Trần Thị	Hoàn	13/06/1986	5.0	Năm	
26	321401828	TN32		Phan Thu	Hương	26/02/1990	VT	VT	
27	23879824	TN33	CT222	Nguyễn Thị Hồng	Lan	15/08/1986	8.5	Tám năm	
28	341852486	TN34	CT223	Huỳnh Thanh Tám	Muôn	01/04/1998	8.0	Tám	
29	26089330	TN35		Dương Thị Kim	Ngọc	24/07/1979	VT	VT	

STT	MSHS	SBD	Số phách	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
30	212799374	TN36	CT224	Nguyễn Thị	Thảo	05/06/1998	5.5	Năm năm	
31	352387034	TN37	CT225	Võ Trọng	Thức	12/08/1998	7.5	Bảy năm	
32	24457360	TN38	CT226	Hồng Khánh	Toàn	13/10/1991	5.5	Năm năm	
33	351860718	TN39		Đặng Huyền	Trang	19/10/1989	VT	VT	
34	24457292	TN40	CT227	Ngô Trọng Minh	Triết	31/10/1991	2.0	Hai	
35	272625084	TN41	CT228	Phan Công	Tùng	09/04/1998	3.5	Ba năm	
36	334905725	TN42		Nguyễn Trọng Khánh	Tường	09/10/1996	VT	VT	
37	24554310	TN43		Phan Thị Thanh	Yên	01/12/1973	VT	VT	
38	111060685	TN58	CT233	Đặng Bá	Tùng	02/06/1984	7.5	Bảy năm	
39	225189225	TN45	CT229	Lê Tuấn	Anh	14/08/1998	8.5	Tám năm	YHCT
40	141050593	TN47	CT230	Đỗ Cao	Duy	08/03/1989	4.0	Bốn	YHCT
41	24635947	TN48	CT231	Nguyễn Ngọc	Hung	13/04/1995	7.5	Bảy năm	YHCT
42	23179054	TN56	CT232	Nguyễn Thị Như	Ý	20/04/1998	5.5	Năm năm	YHCT

Số HS dự thi:
33
Số HS vắng thi:
9
Ngày
18 tháng
8 năm 2018

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
BAN KHẢO THÍ

Đỗ Minh Hải